BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2016/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LONG AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Long An.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và các huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LONG AN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Tân An
2	Thị xã Kiến Tường
3	Huyện Bến Lức
4	Huyện Cần Đước
5	Huyện Cần Giuộc
6	Huyện Châu Thành
7	Huyện Đức Hòa
8	Huyện Đức Huệ
9	Huyện Mộc Hóa
10	Huyện Tân Hưng
11	Huyện Tân Thạnh
12	Huyện Tân Trụ
13	Huyện Thạnh Hóa
14	Huyện Thủ Thừa
15	Huyện Vĩnh Hưng

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Khu phố 1	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 23"	106° 24' 41"					C-48-33-D-d
Khu phố 2	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 14"	106° 24' 46"					C-48-33-D-d
Khu phố 3	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 25"	106° 25' 02"					C-48-33-D-d
Khu phố 4	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 17"	106° 25' 03"					C-48-33-D-d
Khu phố 5	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 12"	106° 24' 50"					C-48-33-D-d
Khu phố 6	DC	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 24"	106° 25' 06"					C-48-33-D-d
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	KX	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 29"	106° 24' 52"					C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. 1	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d
Ban Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe Cán Bộ	KX	P. 1	TP. Tân An	10° 32' 26"	106° 25' 02"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 1	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
Khu phố 1	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 14"	106° 24' 32"					C-48-33-D-d
Khu phố 2	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 30"	106° 24' 34"					C-48-33-D-d
Khu phố 3	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 40"	106° 24' 29"					C-48-33-D-d
Khu phố 4	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 29"	106° 24' 13"					C-48-33-D-d
Khu phố 5	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 44"	106° 24' 24"					C-48-33-D-d
Khu phố 6	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 38"	106° 24' 16"					C-48-33-D-d
Khu phố 7	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 46"	106° 24' 14"					C-48-33-D-d
Khu phố 8	DC	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 33"	106° 24' 02"					C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. 2	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d
sân vận động Long An	KX	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 14"	106° 24' 23"					C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	P. 2	TP. Tân An			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
Đường QL.62	KX	P. 2	TP. Tân An			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-d
cầu Tân An	KX	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 42"	106° 24' 36"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ủy ban nhân dân thành phố Tân An	KX	P. 2	TP. Tân An	10° 32' 25"	106° 24' 10"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 2	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
Khu phố 1	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 03"	106° 24' 57"					C-48-33-D-d
Khu phố 2	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 06"	106° 25' 08"					C-48-33-D-d
Khu phố 3	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 31' 44"	106° 25' 10"					C-48-33-D-d
Khu phố 4	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 31' 51"	106° 24' 56"					C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. 3	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d
khu phố Bình An	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 31' 54"	106° 24' 33"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Đông 1	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 20"	106° 25' 15"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Đông 2	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 01"	106° 25' 13"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Đông 3	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 03"	106° 25' 39"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Đông 4	DC	P. 3	TP. Tân An	10° 31' 47"	106° 25' 39"					C-48-33-D-d
chùa Long Phước	KX	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 22"	106° 25' 28"					C-48-33-D-d
đường Nguyễn Đình Chiểu	KX	P. 3	TP. Tân An			10° 32' 29"	106° 24' 39"	10° 31' 00"	106° 25' 13"	C-48-33-D-d
đường Nguyễn Thông	KX	P. 3	TP. Tân An			10° 32' 03"	106° 24' 59"	10° 31' 15"	106° 27' 15"	C-48-33-D-d
công viên Thành phố Tân An	KX	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 04"	106° 24' 45"					C-48-33-D-d
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Long An	KX	P. 3	TP. Tân An	10° 32' 02"	106° 25' 28"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 3	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. 4	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d
khu phố Bình Cư 1	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 32' 20"	106° 23' 58"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Cư 2	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 32' 18"	106° 23' 46"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Quân 1	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 31' 33"	106° 23' 41"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
khu phố Bình Quân 2	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 31' 23"	106° 23' 21"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Quân 3	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 31' 19"	106° 23' 51"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Yên Đông 1	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 32' 00"	106° 24' 20"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Yên Đông 2	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 32' 09"	106° 24' 00"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Yên Đông 3	DC	P. 4	TP. Tân An	10° 31' 45"	106° 24' 00"					C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	P. 4	TP. Tân An			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
giáo xứ Tân An	KX	P. 4	TP. Tân An	10° 32' 19"	106° 23' 59"					C-48-33-D-d
rạch Bà Rịa	TV	P. 5	TP. Tân An			10° 33' 47"	106° 25' 06"	10° 33' 38"	106° 25' 48"	C-48-33-D-d
khu phố Bình Phú	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 44"	106° 25' 02"					C-48-33-D-d
rạch Châu Phê	TV	P. 5	TP. Tân An			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 32' 30"	106° 25' 12"	C-48-33-D-d
Đường ĐT.833	KX	P. 5	TP. Tân An			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-33-D-d
Nghĩa trang liệt sĩ Tỉnh Long An	KX	P. 5	TP. Tân An	10° 33' 50"	106° 25' 00"					C-48-33-D-d
Công viên tượng đài Long An	KX	P. 5	TP. Tân An	10° 33' 40"	106° 24' 55"					C-48-33-D-d
khu phố Nhơn Hòa 1	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 39"	106° 25' 22"					C-48-33-D-d
khu phố Nhơn Hòa 2	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 33"	106° 25' 34"					C-48-33-D-d
khu phố Nhơn Phú	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 36"	106° 25' 05"					C-48-33-D-d
khu phố Phú Nhơn	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 33' 16"	106° 25' 34"					C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	P. 5	TP. Tân An			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
cầu Tân An	KX	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 42"	106° 24' 36"					C-48-33-D-d
khu phố Thanh Xuân	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 32' 59"	106° 24' 40"					C-48-33-D-d
khu phố Thọ Cang	DC	P. 5	TP. Tân An	10° 33' 54"	106° 25' 35"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu Tổng Uẩn	KX	P. 5	TP. Tân An	10° 33' 16"	106° 25' 41"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 5	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
khu phố Bình Cư 1	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 32' 55"	106° 23' 01"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Cư 2	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 33' 01"	106° 24' 13"					C-48-33-D-d
khu phố Bình Cư 3	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 32' 45"	106° 23' 42"					C-48-33-D-d
rạch Cần Đốt	TV	P. 6	TP. Tân An			10° 31' 22"	106° 22' 50"	10° 32' 58"	106° 22' 48"	C-48-33-D-d
khu phố Nhơn Bình	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 33' 40"	106° 23' 50"					C-48-33-D-d
Đường QL.62	KX	P. 6	TP. Tân An			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 6	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
khu phố Xuân Hòa 1	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 32' 43"	106° 23' 01"					C-48-33-D-d
khu phố Xuân Hòa 2	DC	P. 6	TP. Tân An	10° 32' 01"	106° 22' 40"					C-48-33-D-d
khu phố An Thuận 1	DC	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 11"	106° 24' 10"					C-48-33-D-d
khu phố An Thuận 2	DC	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 00"	106° 24' 36"					C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. 7	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d
khu phố Bình An 1	DC	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 23"	106° 25' 01"					C-48-33-D-d
khu phố Bình An 2	DC	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 34"	106° 24' 38"					C-48-33-D-d
Bệnh viện C	KX	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 10"	106° 24' 38"					C-48-33-D-d
Đường Châu Thị Kim	KX	P. 7	TP. Tân An			10° 32' 03"	106° 24' 59"	10° 28' 43"	106° 23' 24"	C-48-33-D-d
chùa Long Châu Tự	KX	P. 7	TP. Tân An	10° 31' 17"	106° 24' 06"					C-48-33-D-d
Đường Nguyễn Đình Chiểu	KX	P. 7	TP. Tân An			10° 32' 29"	106° 24' 39"	10° 31' 00"	106° 25' 13"	C-48-33-D-d
Rạch Giồng	TV	P. Khánh Hậu	TP. Tân An			10° 31' 20"	106° 22' 47"	10° 30' 34"	106° 22' 26"	C-48-33-D-d
khu phố Giồng Dinh	DC	P. Khánh Hậu	TP. Tân An	10° 30' 56"	106° 22' 41"					C-48-33-D-d
Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	KX	P. Khánh Hậu	TP. Tân An	10° 30' 40"	106° 22' 46"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.1	KX	P. Khánh Hậu	TP. Tân An			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-a; C-48-45-B-b
khu phố Quyết Thắng 1	DC	P. Khánh Hậu	TP. Tân An	10° 30' 32"	106° 22' 33"					C-48-33-D-d
khu phố Quyết Thắng 2	DC	P. Khánh Hậu	TP. Tân An	10° 30' 30"	106° 22' 25"					C-48-33-D-c
khu phố Tường Khánh	DC	P. Khánh Hậu	TP. Tân An	10° 30' 50"	106° 22' 41"					C-48-33-D-d
kênh Bảo Định	TV	P. Tân Khánh	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-b
trường Chính Trị	KX	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 29' 53"	106° 22' 33"					C-48-45-B-b
khu phố Nhơn Cầu	DC	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 29' 19"	106° 22' 16"					C-48-45-B-a
khu phố Nhơn Hậu 1	DC	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 29' 36"	106° 22' 45"					C-48-33-D-d
khu phố Nhơn Hậu 2	DC	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 29' 27"	106° 22' 57"					C-48-45-B-b
Đường QL.1	KX	P. Tân Khánh	TP. Tân An			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-a; C-48-45-B-b
rạch Tân Hương	TV	P. Tân Khánh	TP. Tân An			10° 29' 20"	106° 22' 08"	10° 28' 39"	106° 23' 15"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-b
khu phố Thủ Tửu 1	DC	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 30' 32"	106° 23' 12"					C-48-33-D-d
khu phố Thủ Tửu 2	DC	P. Tân Khánh	TP. Tân An	10° 30' 24"	106° 23' 14"					C-48-33-D-d
rạch Bà Lý 1	TV	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
kênh Bảo Định	TV	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An			10° 28' 40"	106° 23' 16"	10° 32' 35"	106° 24' 41"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-b
rạch Cây Bần	TV	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An			10° 30' 27"	106° 24' 50"	10° 30' 26"	106° 23' 45"	C-48-33-D-d
Đường Châu Thị Kim	KX	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An			10° 32' 03"	106° 24' 59"	10° 28' 43"	106° 23' 24"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-b
ấp Hòa Bình	DC	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An	10° 30' 04"	106° 24' 42"					C-48-33-D-d
ấp Hòa Ngãi	DC	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An	10° 29' 20"	106° 23' 38"					C-48-45-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ông Tường	TV	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An			10° 29' 31"	106° 24' 29"	10° 29' 39"	106° 23' 31"	C-48-45-B-b
Ấp Vĩnh Bình	DC	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An	10° 30' 47"	106° 24' 00"					C-48-33-D-d
Ấp Vĩnh Hòa	DC	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An	10° 30' 11"	106° 23' 54"					C-48-33-D-d
đình Vĩnh Phú	KX	xã An Vĩnh Ngãi	TP. Tân An	10° 30' 19"	106° 23' 52"					C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 32' 13"	106° 26' 11"					C-48-33-D-d
Ấp 2	DC	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 32' 06"	106° 26' 30"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 31' 39"	106° 26' 27"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 31' 38"	106° 26' 02"					C-48-33-D-d
Trung tâm Bảo trợ xã hội	KX	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 31' 51"	106° 26' 17"					C-48-33-D-d
Ấp Bình Nam	DC	xã Bình Tâm	TP. Tân An	10° 30' 46"	106° 25' 29"					C-48-33-D-d
rạch Bình Tâm	TV	xã Bình Tâm	TP. Tân An			10° 29' 33"	106° 25' 18"	10° 31' 56"	106° 26' 54"	C-48-33-D-d
Đường ĐT.827	KX	xã Bình Tâm	TP. Tân An			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-33-D-d
Đường Nguyễn Thông	KX	xã Bình Tâm	TP. Tân An			10° 32' 03"	106° 24' 59"	10° 31' 15"	106° 27' 15"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Tâm	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An	10° 34' 05"	106° 22' 56"					C-48-33-D-d
Ấp 2	DC	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An	10° 33' 51"	106° 23' 14"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An	10° 34' 01"	106° 24' 25"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An	10° 33' 40"	106° 24' 21"					C-48-33-D-d
rạch Cai Trung	TV	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An			10° 33' 51"	106° 24' 36"	10° 33' 46"	106° 24' 06"	C-48-33-D-d
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-c; C-48-33-D-d
Ấp Đạo Thạnh	DC	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An	10° 34' 02"	106° 23' 44"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ông Sen	TV	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An			10° 34' 44"	106° 23' 39"	10° 34' 36"	106° 22' 56"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Hướng Thọ Phú	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c
Ấp Bình An A	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 49"	106° 21' 27"					C-48-33-D-c
Ấp Bình An B	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 04"	106° 20' 51"					C-48-33-D-c
rạch Cần Đốt	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 31' 22"	106° 22' 50"	10° 32' 58"	106° 22' 48"	C-48-33-D-d
Ấp Cầu Tre	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 33' 05"	106° 21' 57"					C-48-33-D-c
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-c
Rạch Đào	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 32' 32"	106° 21' 55"	10° 33' 05"	106° 21' 18"	C-48-33-D-c
Rạch Gốc	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 31' 40"	106° 20' 59"	10° 32' 45"	106° 20' 47"	C-48-33-D-c
cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 59"	106° 22' 07"					C-48-33-D-c
kênh N2	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 32' 49"	106° 20' 55"	10° 31' 49"	106° 22' 10"	C-48-33-D-c
Ấp Ngãi Lợi A	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 10"	106° 21' 52"					C-48-33-D-c
Ấp Ngãi Lợi B	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 31' 41"	106° 22' 38"					C-48-33-D-d
rạch Ông Hú	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 31' 21"	106° 21' 25"	10° 32' 06"	106° 20' 47"	C-48-33-D-c
quốc lộ 62	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-c; C-48-33-D-d
Ấp Rạch Chanh	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 33' 28"	106° 21' 56"					C-48-33-D-c
cầu Rạch Chanh	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 33' 27"	106° 21' 46"					C-48-33-D-c
kênh Rạch Chanh	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 33' 40"	106° 21' 59"	10° 32' 40"	106° 20' 40"	C-48-33-D-c
nút giao Tân An	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 54"	106° 22' 26"					C-48-33-D-c
Rạch Tre	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 32' 44"	106° 22' 00"	10° 33' 22"	106° 22' 07"	C-48-33-D-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Thanh	KX	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 33' 17"	106° 22' 06"					C-48-33-D-c
Ấp Xuân Hòa	DC	xã Lợi Bình Nhơn	TP. Tân An	10° 32' 38"	106° 22' 46"					C-48-33-D-d
Ấp Bình Trung 1	DC	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 32' 28"	106° 26' 19"					C-48-33-D-d
Ấp Bình Trung 2	DC	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 32' 13"	106° 26' 52"					C-48-33-D-d
rạch Cai Ngôn	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 33' 27"	106° 26' 22"	10° 33' 42"	106° 25' 56"	C-48-33-D-d
rạch Cai Tài	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 34' 46"	106° 28' 36"	C-48-33-D-d
rạch Châu Phê	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 32' 30"	106° 25' 12"	C-48-33-D-d
đường ĐT.833	KX	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-33-D-d
rạch Lò Kho	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 33' 24"	106° 27' 07"	10° 33' 27"	106° 26' 22"	C-48-33-D-d
đình Nhơn Thạnh	KX	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 33' 32"	106° 25' 55"					C-48-33-D-d
Ấp Nhơn Thuận	DC	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 33' 30"	106° 26' 28"					C-48-33-D-d
Ấp Nhơn Trị 1	DC	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 33' 29"	106° 27' 03"					C-48-33-D-d
Ấp Nhơn Trị 2	DC	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 34' 04"	106° 26' 47"					C-48-33-D-d
rạch Ông Dậm	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 34' 29"	106° 26' 36"	10° 31' 52"	106° 27' 17"	C-48-33-D-d
cầu Ông Liễu	KX	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 33' 10"	106° 27' 34"					C-48-33-D-d
chùa Tịnh Độ	KX	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 34' 13"	106° 26' 21"					C-48-33-D-d
cầu Tổng Uẩn	KX	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An	10° 33' 16"	106° 25' 41"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Nhơn Thạnh Trung	TP. Tân An			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
Khu phố 1	DC	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 44"	105° 55' 59"					C-48-32-B-d
Khu phố 2	DC	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 49"	105° 55' 54"					C-48-32-B-d
Khu phố 3	DC	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 23"	105° 56' 04"					C-48-32-B-d
Khu phố 4	DC	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 32"	105° 56' 00"					C-48-32-B-d
Khu phố 5	DC	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 45' 54"	105° 56' 04"					C-48-32-B-d
kênh Cả Gừa	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu Cá Rô	KX	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 29"	105° 55' 53"					C-48-32-B-d
bia Chiến thắng Trận Mộc Hóa	KX	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 45"	105° 56' 07"					C-48-32-B-d
kênh Cửa Đông 1	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 46' 27"	105° 56' 28"	10° 43' 41"	105° 56' 29"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
Di tích lịch sử văn hóa Núi Đất	KX	P. 1	TX. Kiến Tường	10° 46' 12"	105° 56' 11"					C-48-32-B-d
Kênh Ốp	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 43' 30"	105° 57' 27"	10° 46' 53"	105° 51' 02"	C-48-32-B-d;
Đường QL.62	KX	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-32-B-d
Kênh Quận	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
kênh Quãng Cụt	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 44' 40"	105° 57' 56"	10° 44' 39"	105° 55' 27"	C-48-32-D-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 1	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
Khu phố 1	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 32"	105° 56' 30"					C-48-32-B-d
Khu phố 2	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 42"	105° 56' 18"					C-48-32-B-d
Khu phố 3	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 37"	105° 56' 14"					C-48-32-B-d
Khu phố 4	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 25"	105° 56' 16"					C-48-32-B-d
Khu phố 5	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 10"	105° 56' 38"					C-48-32-B-d
Khu phố 6	DC	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 45' 10"	105° 57' 28"					C-48-32-B-d
cầu Cửa Đông	KX	P. 2	TX. Kiến Tường	10° 46' 27"	105° 56' 28"					C-48-32-B-d
kênh Cửa Đông 1	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 46' 27"	105° 56' 28"	10° 43' 41"	105° 56' 29"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
kênh Cửa Đông 3	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 45' 23"	105° 56' 30"	10° 45' 38"	105° 57' 04"	C-48-32-B-d
kênh Cửa Đông 4	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 45' 00"	105° 56' 30"	10° 45' 19"	105° 57' 18"	C-48-32-B-d
rạch Ông Sự	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 45' 41"	105° 57' 07"	10° 45' 50"	105° 57' 27"	C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.62	KX	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
kênh Quãng Cụt	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 44' 40"	105° 57' 56"	10° 44' 39"	105° 55' 27"	C-48-32-D-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 2	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
Khu phố 1	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 36"	105° 55' 37"					C-48-32-B-d
Khu phố 2	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 47' 00"	105° 55' 35"					C-48-32-B-d
Khu phố 3	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 46"	105° 55' 31"					C-48-32-B-d
Khu phố 4	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 45' 59"	105° 55' 47"					C-48-32-B-d
kênh 30-4 Mới	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 45' 33"	105° 54' 29"	10° 42' 54"	105° 53' 00"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
cầu Cá Rô	KX	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 29"	105° 55' 53"					C-48-32-B-d
cầu Cái Cát	KX	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 47' 06"	105° 55' 14"					C-48-32-B-d
rạch Cái Cát	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 45' 33"	105° 54' 29"	10° 47' 09"	105° 55' 14"	C-48-32-B-d
rạch Cái Cát Nhánh Rẽ	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 45' 09"	105° 54' 51"	10° 46' 16"	105° 54' 57"	C-48-32-B-d
khu dân cư Cầu Dây	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 44"	105° 55' 43"					C-48-32-B-d
khu dân cư Làng Nghề	DC	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 38"	105° 55' 50"					C-48-32-B-d
cầu Mộc Hóa	KX	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 47' 02"	105° 55' 40"					C-48-32-B-d
Trường Trung cấp nghề Đồng Tháp Mười	KX	P. 3	TX. Kiến Tường	10° 46' 54"	105° 55' 31"					C-48-32-B-d
Kênh Ốp	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 43' 30"	105° 57' 27"	10° 46' 53"	105° 51' 02"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
Đường QL.62	KX	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-32-B-d
Kênh Quận	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-B-d
Kênh Quận	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Vàm Cỏ Tây	TV	P. 3	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
kênh 61	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d
kênh Ba Xã	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 46' 47"	105° 56' 34"	10° 53' 30"	105° 58' 24"	C-48-32-B-d
Đường Biên Phòng	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 50' 23"	105° 55' 43"	10° 50' 14"	105° 53' 39"	C-48-32-B-d
cầu Bình Hiệp	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 49' 19"	105° 55' 43"					C-48-32-B-d
cửa khẩu Bình Hiệp	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 50' 26"	105° 55' 43"					C-48-32-B-d
Rạch Bứa	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 47' 40"	105° 56' 42"	10° 47' 32"	105° 56' 16"	C-48-32-B-d
rạch Cây Gáo	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 48' 31"	105° 54' 30"	10° 47' 47"	105° 54' 23"	C-48-32-B-d
rạch Chòi Mòi	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 49' 56"	105° 57' 06"	10° 50' 18"	105° 56' 00"	C-48-32-B-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 47' 32"	105° 55' 55"	10° 44' 22"	106° 03' 05"	C-48-32-B-d
Đường ĐT.831	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-d
ấp Gò Dưa	DC	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 47' 41"	105° 55' 56"					C-48-32-B-d
trạm Kiểm soát Liên hợp	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 47' 18"	105° 55' 39"					C-48-32-B-d
cầu Mộc Hóa	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 47' 02"	105° 55' 40"					C-48-32-B-d
kênh N1	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 49' 10"	105° 55' 56"	10° 48' 55"	105° 53' 47"	C-48-32-B-d
ấp Ông Lễ	DC	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 47' 11"	105° 55' 25"					C-48-32-B-d
rạch Ông Lễ	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 48' 36"	105° 55' 16"	10° 47' 36"	105° 55' 02"	C-48-32-B-d
ấp Ông Nhan Đông	DC	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 49' 21"	105° 56' 05"					C-48-32-B-d
ấp Ông Nhan Tây	DC	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 48' 37"	105° 55' 44"					C-48-32-B-d
Đường QL.62	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-32-B-d
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-d
kênh Quốc Phòng 1	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 48' 45"	105° 53' 38"	10° 48' 36"	105° 55' 42"	C-48-32-B-d
kênh Quốc Phòng 2	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 49' 24"	105° 57' 00"	10° 49' 47"	106° 00' 21"	C-48-32-B-d
kênh Ranh Ba Xã	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 50' 26"	105° 57' 11"	10° 50' 24"	106° 00' 08"	C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Rồ	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 55' 06"	105° 56' 35"	10° 47' 01"	105° 55' 47"	C-48-32-B-d
kênh T1	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 48' 17"	105° 55' 58"	10° 48' 16"	105° 59' 42"	C-48-32-B-d
ấp Tầm Đuông	DC	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường	10° 51' 02"	105° 56' 23"					C-48-32-B-d
rạch Tầm Đuông - Bà Ký	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 51' 34"	105° 59' 12"	10° 50' 48"	105° 56' 06"	C-48-32-B-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Hiệp	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
kênh 61	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d
Đường Biên phòng	KX	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 50' 23"	105° 55' 43"	10° 50' 14"	105° 53' 39"	C-48-32-B-d
ấp Cái Đôi Đông	DC	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường	10° 48' 33"	105° 53' 40"					C-48-32-B-d
kênh Cái Đôi Lớn	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 48' 48"	105° 53' 38"	10° 50' 03"	105° 53' 58"	C-48-32-B-d
ấp Cái Đôi Tây	DC	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường	10° 48' 58"	105° 53' 32"					C-48-32-B-d
Đường ĐT.831	KX	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-d
ấp Gò Tranh	DC	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường	10° 50' 00"	105° 54' 09"					C-48-32-B-d
Ấp Mới	DC	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường	10° 49' 40"	105° 55' 01"					C-48-32-B-d
kênh N1	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 49' 10"	105° 55' 56"	10° 48' 55"	105° 53' 47"	C-48-32-B-d
kênh N4	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 49' 45"	105° 54' 41"	10° 48' 36"	105° 54' 15"	C-48-32-B-d
cầu Ô Môi	KX	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường	10° 49' 05"	105° 53' 49"					C-48-32-B-d
Đường QL.N1	KX	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-d
kênh Quốc Phòng	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 48' 45"	105° 53' 38"	10° 48' 36"	105° 55' 42"	C-48-32-B-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Tân	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
kênh 63	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 43' 40"	105° 48' 57"	10° 39' 17"	105° 48' 26"	C-48-32-D-a
kênh 79	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
kênh 30-4 Cũ	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 44' 21"	105° 53' 15"	10° 43' 43"	105° 52' 48"	C-48-32-D-b
kênh 30-4 Mới	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 45' 33"	105° 54' 29"	10° 42' 54"	105° 53' 00"	C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Bà Phó	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 45' 05"	105° 52' 06"	10° 46' 34"	105° 52' 48"	C-48-32-B-c
rạch Bắc Chan	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 41' 22"	105° 51' 01"	10° 47' 51"	105° 54' 13"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
ấp Bàu Chứa	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 42' 31"	105° 51' 32"					C-48-32-D-a
ấp Bàu Môn	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 43' 45"	105° 52' 16"					C-48-32-D-a
ấp Bàu Mua	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 43' 32"	105° 49' 55"					C-48-32-D-a
ấp Bàu Vuông	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 44' 14"	105° 53' 27"					C-48-32-D-b
ấp Cả Gừa	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 45' 33"	105° 51' 19"					C-48-32-B-c
kênh Cả Gừa	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
kênh Cả Gừa 1	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 45' 08"	105° 52' 01"	10° 43' 50"	105° 51' 15"	C-48-32-B-c;
kênh Cả Gừa 2	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 45' 20"	105° 51' 41"	10° 43' 21"	105° 50' 35"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh Cả Gừa 3	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 45' 30"	105° 51' 26"	10° 43' 48"	105° 50' 28"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh Cò Nhỏ - Mới 95	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 42' 50"	105° 53' 20"	10° 40' 41"	105° 52' 40"	C-48-32-D-b
Công ty Đại Đại Thành	KX	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 43' 09"	105° 50' 45"					C-48-32-D-a
cầu Đốc Ấn	KX	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 45' 10"	105° 52' 58"					C-48-32-B-d
kênh Gò Ớt	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 48' 49"	105° 52' 53"	10° 43' 40"	105° 48' 56"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh Ổ Quạ1	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 43' 26"	105° 51' 57"	10° 45' 10"	105° 49' 15"	C-48-32-D-a
kênh Ổ Quạ 2	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 44' 15"	105° 49' 29"	10° 43' 40"	105° 50' 45"	C-48-32-D-a
Kênh Ốp	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 43' 30"	105° 57' 27"	10° 46' 53"	105° 51' 02"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Kênh Quận	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-D-b
kênh Ranh Hậu Thạnh Tây - Thạnh Hưng	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 41' 22"	105° 51' 00"	10° 42' 09"	105° 49' 01"	C-48-32-D-a
ấp Sồ Đô	DC	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 45' 10"	105° 52' 52"					C-48-32-B-d
cầu Sồ Đô	KX	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường	10° 45' 27"	105° 53' 08"					C-48-32-B-d
kênh Tập Đoàn 7	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 43' 54"	105° 52' 21"	10° 43' 29"	105° 53' 20"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
kênh Tập Đoàn 9	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 43' 20"	105° 51' 53"	10° 43' 40"	105° 52' 55"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
Kênh Tĩnh	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 42' 53"	105° 53' 00"	10° 41' 27"	105° 52' 16"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
kênh Tràm Chim	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 42' 27"	105° 51' 26"	10° 43' 05"	105° 48' 58"	C-48-32-D-a
kênh Trấp Muồng	TV	xã Thạnh Hưng	TX. Kiến Tường			10° 41' 53"	105° 51' 13"	10° 42' 37"	105° 48' 59"	C-48-32-D-a
Ấp 1	DC	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường	10° 51' 59"	105° 57' 11"					C-48-32-B-d
Ấp 2	DC	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường	10° 51' 05"	105° 57' 20"					C-48-32-B-d
Ấp 3	DC	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường	10° 51' 14"	105° 58' 13"					C-48-32-B-d
kênh Ba Xã	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 46' 47"	105° 56' 34"	10° 53' 30"	105° 58' 24"	C-48-32-B-d
rộc Cây Tràm	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 51' 34"	105° 59' 12"	10° 51' 14"	105° 59' 51"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
rạch Cây Tràm	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 51' 45"	106° 00' 11"	10° 51' 14"	105° 59' 51"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
rạch Giăng Dơ	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 52' 48"	105° 58' 14"	10° 53' 13"	105° 57' 14"	C-48-32-B-b
kênh Ranh Ba Xã	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 50' 26"	105° 57' 11"	10° 50' 24"	106° 00' 08"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
rạch Rồ	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 55' 06"	105° 56' 35"	10° 47' 01"	105° 55' 47"	C-48-32-B-b; C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Tầm Đuông - Bà Ký	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 51' 34"	105° 59' 12"	10° 50' 48"	105° 56' 06"	C-48-32-B-d
kênh Trấp Trôi	TV	xã Thạnh Trị	TX. Kiến Tường			10° 52' 11"	105° 59' 34"	10° 51' 37"	105° 59' 00"	C-48-32-B-d
kênh Nhà Ông	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 46' 53"	105° 51' 02"	10° 46' 08"	105° 50' 25"	C-48-32-B-c
kênh 30-4 Mới	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 45' 33"	105° 54' 29"	10° 42' 54"	105° 53' 00"	C-48-32-B-d; C-48-32-D-b
kênh Bà Phó	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 45' 05"	105° 52' 06"	10° 46' 34"	105° 52' 48"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d
rạch Bắc Chan	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 41' 22"	105° 51' 01"	10° 47' 51"	105° 54' 13"	C-48-32-B-d
ấp Bắc Chan 1	DC	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 47' 43"	105° 54' 14"					C-48-32-B-d
ấp Bắc Chan 2	DC	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 47' 08"	105° 53' 09"					C-48-32-B-d
ấp Bình Tây	DC	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 46' 50"	105° 53' 53"					C-48-32-B-d
kênh Cả Gừa	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-c
cầu Cái Cát	KX	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 47' 06"	105° 55' 14"					C-48-32-B-d
rạch Cái Cát	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 45' 33"	105° 54' 29"	10° 47' 09"	105° 55' 14"	C-48-32-B-d
ấp Cái Sậy	DC	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 46' 15"	105° 53' 39"					C-48-32-B-d
cầu Cái Sậy	KX	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 47' 26"	105° 54' 40"					C-48-32-B-d
rạch Cái Sậy	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 46' 02"	105° 54' 03"	10° 47' 31"	105° 54' 39"	C-48-32-B-d
kênh Đường Trâu	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 45' 27"	105° 51' 32"	10° 46' 37"	105° 52' 29"	C-48-32-B-c
ấp Gò Ớt	DC	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 47' 55"	105° 52' 43"					C-48-32-B-d
kênh Gò Ớt	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 48' 49"	105° 52' 53"	10° 43' 40"	105° 48' 56"	C-48-32-B-d
cầu Kênh Ốp	KX	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 46' 23"	105° 53' 44"					C-48-32-B-d
rạch Ngọn Nhỏ	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 46' 40"	105° 52' 46"	10° 47' 14"	105° 53' 57"	C-48-32-B-d
Kênh Ốp	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 43' 30"	105° 57' 27"	10° 46' 53"	105° 51' 02"	C-48-32-B-d
cầu Sồ Đô	KX	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường	10° 45' 27"	105° 53' 08"					C-48-32-B-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tuyên Thạnh	TX. Kiến Tường			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Khu phố 1	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 28"	106° 28' 55"					C-48-33-D-b
Khu phố 2	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 39"	106° 29' 00"					C-48-33-D-b
Khu phố 3	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 24"	106° 29' 13"					C-48-33-D-b
Khu phố 4	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 24"	106° 28' 49"					C-48-33-D-b
Khu phố 5	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 20"	106° 28' 37"					C-48-33-D-b
Khu phố 6	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 03"	106° 28' 51"					C-48-33-D-b
Khu phố 7	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 07"	106° 29' 09"					C-48-33-D-b
Khu phố 8	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 37' 45"	106° 29' 12"					C-48-33-D-b
Khu phố 9	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 37' 54"	106° 29' 41"					C-48-33-D-b
cầu Bến Lức	KX	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 21"	106° 28' 21"					C-48-33-D-b
sông Bến Lức	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 28' 25"	10° 41' 17"	106° 32' 44"	C-48-33-D-b
Rạch Chà	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 37' 56"	106° 28' 30"	10° 37' 43"	106° 29' 36"	C-48-33-D-b
Đường ĐT.830	KX	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 38' 12"	106° 29' 18"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-D-b
rạch Mỹ Nhơn - Cây Trôm - Ông Nhông	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 37' 59"	106° 30' 28"	10° 41' 13"	106° 32' 11"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
rạch Ông Tám	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 37' 23"	106° 30' 13"	10° 37' 08"	106° 30' 02"	C-48-33-D-d; C-48-34-C-c
Đường QL.1	KX	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-33-D-d; C-48-34-C-c
khu công nghiệp Thuận Đạo	KX	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 37' 14"	106° 29' 16"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	TT. Bến Lức	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-d
ấp Voi Lá	DC	TT. Bến Lức	H. Bến Lức	10° 38' 19"	106° 29' 34"					C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 1A	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 38' 52"	106° 28' 32"					C-48-33-D-b
Ấp 1B	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 39' 40"	106° 28' 51"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 39' 08"	106° 27' 07"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 39' 59"	106° 27' 17"					C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 40' 07"	106° 28' 40"					C-48-33-D-b
Ấp 5	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 40' 35"	106° 28' 50"					C-48-33-D-b
Ấp 6	DC	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 40' 44"	106° 29' 23"					C-48-33-D-b
rạch Bần Sình	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 21"	106° 27' 26"	10° 40' 14"	106° 26' 59"	C-48-33-D-b
rạch Bàu Nai	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 39' 56"	106° 26' 56"	10° 40' 00"	106° 29' 08"	C-48-33-D-b
sông Bến Lức	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 28' 25"	10° 41' 17"	106° 32' 44"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
Kênh Cái	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 55"	106° 30' 29"	10° 42' 04"	106° 28' 36"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
kênh Cây Điều 1	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 39' 53"	106° 27' 42"	10° 41' 01"	106° 28' 12"	C-48-33-D-b
kênh Cây Điều 2	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 04"	106° 28' 46"	10° 40' 42"	106° 28' 05"	C-48-33-D-b
Rạch Chung	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 41' 29"	106° 29' 36"	10° 40' 52"	106° 30' 23"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
Đường cao tốc Thành phố	KX	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-b
đường tỉnh 830	KX	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 38' 12"	106° 29' 18"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-D-b
kênh Gò Dung	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 18"	106° 29' 28"	10° 44' 20"	106° 27' 39"	C-48-33-D-b
cầu Nước Mục	KX	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 40' 35"	106° 26' 53"					C-48-33-D-b
khu công nghiệp Phú An	KX	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 41' 07"	106° 27' 42"					C-48-33-D-b
kênh Rạch Đỉa	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 11"	106° 28' 45"	10° 40' 40"	106° 29' 14"	C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu Rạch Vông	KX	xã An Thạnh	H. Bến Lức	10° 41' 19"	106° 26' 46"					C-48-33-D-b
kênh Rạch Vông	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			10° 40' 48"	106° 25' 15"	10° 41' 43"	106° 29' 02"	C-48-33-D-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Thạnh	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b
Ấp 1	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 38' 35"	106° 25' 59"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 39' 27"	106° 25' 37"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 40' 04"	106° 25' 54"					C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 40' 19"	106° 25' 14"					C-48-33-D-b
Ấp 5	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 40' 47"	106° 24' 58"					C-48-33-D-b
Ấp 6	DC	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 41' 06"	106° 23' 45"					C-48-33-D-b
kênh Bà Lắm	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 26' 06"	10° 39' 38"	106° 25' 45"	C-48-33-D-b
kênh Ba Vồn Lớn	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 41' 13"	106° 24' 56"	10° 41' 49"	106° 22' 25"	C-48-33-D-b
kênh Biện Cung	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 38' 53"	106° 25' 56"	10° 38' 39"	106° 23' 29"	C-48-33-D-b
kênh Cây Da	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 39' 15"	106° 25' 10"	10° 39' 15"	106° 25' 58"	C-48-33-D-b
kênh Ông Đốc	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 40' 58"	106° 24' 21"	10° 40' 28"	106° 24' 05"	C-48-33-D-b
đò Rạch Vông	KX	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 40' 46"	106° 25' 12"					C-48-33-D-b
kênh Ranh Bến Lức - Thủ Thừa	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 39' 45"	106° 24' 01"	10° 41' 45"	106° 22' 20"	C-48-33-D-a; C-48-33-D-b
kênh T2	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 40' 44"	106° 25' 11"	10° 38' 44"	106° 22' 48"	C-48-33-D-b
kênh T4	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a; C-48-33-D-b
nhà thờ Thủ Đoàn	KX	xã Bình Đức	H. Bến Lức	10° 38' 33"	106° 26' 12"					C-48-33-D-b
kênh Thủ Thừa	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Bình Đức	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Bà Láng	TV	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 38' 25"	106° 32' 01"	10° 36' 35"	106° 31' 53"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
rạch Cây Trôm	TV	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 31' 59"	10° 40' 50"	106° 30' 25"	C-48-34-C-a
Ấp Chánh	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 45"	106° 31' 16"					C-48-34-C-a
nhà máy Gạch Đồng Tâm	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 38' 12"	106° 31' 34"					C-48-34-C-a
ấp Lò Gạch	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 19"	106° 30' 12"					C-48-34-C-c
ấp Long Bình	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 38' 38"	106° 31' 44"					C-48-34-C-a
đình Long Hiệp	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 11"	106° 31' 29"					C-48-34-C-c
rạch Mỹ Nhơn - Cây Trôm - Ông Nhông	TV	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 37' 59"	106° 30' 28"	10° 41' 13"	106° 32' 11"	C-48-34-C-a
Di tích lịch sử văn hóa Nhà và Lò gạch Võ Công Tồn	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 13"	106° 30' 14"					C-48-34-C-c
rạch Ông Tám	TV	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 37' 23"	106° 30' 13"	10° 37' 08"	106° 30' 02"	C-48-34-C-c
khu công nghiệp Phúc Long	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 33"	106° 30' 43"					C-48-34-C-a
ấp Phước Tỉnh	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 38' 56"	106° 30' 45"					C-48-34-C-a
ấp Phước Toàn	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 37' 57"	106° 31' 39"					C-48-34-C-a
Đường QL.1	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Long Hiệp	H. Bến Lức			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-c
khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2	KX	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 38' 26"	106° 30' 53"					C-48-34-C-a
ấp Voi Lá	DC	xã Long Hiệp	H. Bến Lức	10° 38' 27"	106° 30' 11"					C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 46' 21"	106° 25' 40"					C-48-33-B-d
Ấp 2	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 46' 03"	106° 24' 46"					C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Kênh 2	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 43' 51"	106° 26' 59"	10° 44' 30"	106° 26' 28"	C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 45' 44"	106° 25' 57"					C-48-33-B-d
Kênh 3	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 43' 55"	106° 27' 03"	10° 44' 34"	106° 26' 33"	C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 44' 54"	106° 25' 43"					C-48-33-D-b
Kênh 4	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 44' 40"	106° 26' 41"	10° 45' 16"	106° 26' 12"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
ấp 5A	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 44' 19"	106° 26' 18"					C-48-33-D-b
ấp 5B	DC	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 44' 21"	106° 27' 34"					C-48-33-D-b
Kênh 6A	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 44' 15"	106° 27' 30"	10° 45' 33"	106° 26' 28"	C-48-33-D-b
Kênh 6B	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 44' 08"	106° 27' 20"	10° 44' 47"	106° 26' 50"	C-48-33-D-b
Kênh 7	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 45' 01"	106° 27' 08"	10° 45' 40"	106° 26' 36"	C-48-33-D-b
kênh Bà Kiều	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 44' 31"	106° 27' 51"	10° 45' 10"	106° 27' 21"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Bà Một	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 46' 36"	106° 24' 39"	10° 45' 51"	106° 26' 08"	C-48-33-B-d
kênh Bội Lý	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 43' 42"	106° 25' 50"	10° 43' 42"	106° 26' 25"	C-48-33-D-b
Đường ĐT.830	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 38' 12"	106° 29' 18"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-D-b
Rạch Heo	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 45' 28"	106° 26' 11"	10° 45' 08"	106° 25' 33"	C-48-33-B-d
cống Liên Thôn	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 45' 50"	106° 26' 12"					C-48-33-B-d
kênh Lồ Ồ - Ông Bá	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 46' 51"	106° 25' 03"	10° 46' 06"	106° 25' 56"	C-48-33-B-d
đò Lương Bình	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 44' 48"	106° 25' 41"					C-48-33-D-b
kênh Mương Lớn	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 45' 36"	106° 24' 58"	10° 45' 59"	106° 25' 22"	C-48-33-B-d
kênh Ông Đối	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 45' 17"	106° 25' 25"	10° 45' 51"	106° 26' 08"	C-48-33-B-d
khu công nghiệp Thịnh Phát	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 45' 24"	106° 25' 46"					C-48-33-B-d
kênh Út Danh	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 47' 00"	106° 25' 27"	10° 46' 18"	106° 25' 36"	C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
cầu Xáng Lớn	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 43' 36"	106° 26' 25"					C-48-33-D-b
kênh Xáng Lớn	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 43' 32"	106° 25' 50"	10° 44' 47"	106° 28' 13"	C-48-33-D-b
cầu Xáng Nhỏ	KX	xã Lương Bình	H. Bến Lức	10° 44' 22"	106° 26' 19"					C-48-33-D-b
kênh Xáng Nhỏ	TV	xã Lương Bình	H. Bến Lức			10° 44' 19"	106° 25' 50"	10° 45' 27"	106° 27' 43"	C-48-33-D-b
Kênh 2	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 53"	106° 26' 58"	10° 42' 46"	106° 26' 49"	C-48-33-D-b
Kênh 3	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 55"	106° 27' 13"	10° 42' 42"	106° 27' 04"	C-48-33-D-b
Kênh 4	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 57"	106° 27' 28"	10° 42' 36"	106° 27' 29"	C-48-33-D-b
Kênh 5	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 58"	106° 27' 43"	10° 42' 34"	106° 27' 39"	C-48-33-D-b
Kênh 6	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 42' 00"	106° 27' 58"	10° 42' 30"	106° 27' 54"	C-48-33-D-b
ấp 6A	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 07"	106° 26' 32"					C-48-33-D-b
ấp 6B	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 41"	106° 26' 49"					C-48-33-D-b
Ấp 7	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 01"	106° 26' 02"					C-48-33-D-b
Ấp 8	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 18"	106° 26' 32"					C-48-33-D-b
Ấp 9	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 00"	106° 26' 35"					C-48-33-D-b
Ấp 10	DC	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 41' 02"	106° 25' 43"					C-48-33-D-b
đò Ấp 7	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 59"	106° 25' 41"					C-48-33-D-b
kênh Bà Đốc	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 54"	106° 27' 04"	10° 42' 46"	106° 27' 56"	C-48-33-D-b
kênh Bà Vụ	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 01"	106° 30' 42"	10° 44' 31"	106° 27' 52"	C-48-33-D-b
kênh Bảy Liễng	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 35"	106° 26' 30"	10° 42' 51"	106° 27' 04"	C-48-33-D-b
kênh Cây Da	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 44' 00"	106° 27' 13"	10° 42' 22"	106° 28' 29"	C-48-33-D-b
Đường ĐT.830	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 38' 12"	106° 29' 18"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-D-b
cầu Gia Miệng	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 41' 52"	106° 26' 41"					C-48-33-D-b
kênh Gia Miệng	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 42"	106° 25' 06"	10° 42' 06"	106° 28' 54"	C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Gò Dung	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 40' 18"	106° 29' 28"	10° 44' 20"	106° 27' 39"	C-48-33-D-b
kênh Lộ 830	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 35"	106° 26' 26"	10° 41' 20"	106° 26' 47"	C-48-33-D-b
nhà thờ Lương Hòa Hạ	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 59"	106° 26' 01"					C-48-33-D-b
kênh Nhà Lầu	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 42' 28"	106° 25' 27"	10° 42' 25"	106° 25' 50"	C-48-33-D-b
cầu Nước Mục	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 40' 35"	106° 26' 53"					C-48-33-D-b
cầu Rạch Nổ	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 50"	106° 26' 32"					C-48-33-D-b
kênh Rạch Nổ	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 00"	106° 25' 44"	10° 42' 17"	106° 28' 50"	C-48-33-D-b
đò Rạch Vông	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 40' 46"	106° 25' 12"					C-48-33-D-b
cầu Rạch Vông	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 41' 19"	106° 26' 46"					C-48-33-D-b
kênh Rạch Vông	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 40' 48"	106° 25' 15"	10° 41' 43"	106° 29' 02"	C-48-33-D-b
Kênh Ruộng	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 44"	106° 26' 51"	10° 42' 31"	106° 27' 53"	C-48-33-D-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b
cầu Xáng Lớn	KX	xã Lương Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 36"	106° 26' 25"					C-48-33-D-b
kênh Xáng Lớn	TV	xã Lương Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 32"	106° 25' 50"	10° 44' 47"	106° 28' 13"	C-48-33-D-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 38' 26"	106° 32' 05"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 38' 53"	106° 31' 48"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 39' 12"	106° 32' 15"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 39' 22"	106° 32' 25"					C-48-34-C-a
Ấp 5	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 39' 54"	106° 32' 34"					C-48-34-C-a
Ấp 6	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 40' 25"	106° 32' 25"					C-48-34-C-a
Ấp 7A	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 40' 14"	106° 32' 57"					C-48-34-C-a
Ấp 7B	DC	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 40' 49"	106° 32' 58"					C-48-34-C-a
rạch Cây Trôm	TV	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 31' 59"	10° 40' 50"	106° 30' 25"	C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-34-C-a
Đường ĐT.835B	KX	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 38' 38"	106° 32' 14"	10° 36' 21"	106° 37' 17"	C-48-34-C-a
rạch Mỹ Nhơn - Cây Trôm - Ông Nhông	TV	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 37' 59"	106° 30' 28"	10° 41' 13"	106° 32' 11"	C-48-34-C-a
cầu Ông Thoàn	KX	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 40' 27"	106° 33' 06"					C-48-34-C-a
rạch Ông Thoàn	TV	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 39' 52"	106° 32' 59"	10° 41' 17"	106° 32' 44"	C-48-34-C-a
chùa Pháp Đàn	KX	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức	10° 38' 37"	106° 32' 09"					C-48-34-C-a
Đường QL.1	KX	xã Mỹ Yên	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 37' 58"	106° 28' 08"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 37' 18"	106° 27' 34"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 36' 53"	106° 27' 14"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 36' 23"	106° 27' 00"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 37' 09"	106° 28' 06"					C-48-33-D-d
Ấp 6	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 36' 09"	106° 28' 18"					C-48-33-D-d
Ấp 7	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 35' 46"	106° 28' 04"					C-48-33-D-d
Ấp 8	DC	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 35' 50"	106° 27' 29"					C-48-33-D-d
rạch Bàu Tân - Cầu Ván - Cây Sáo - Xóm Châu	TV	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức			10° 38' 35"	106° 26' 18"	10° 37' 50"	106° 28' 26"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-d
cầu Bến Lức	KX	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 38' 21"	106° 28' 21"					C-48-33-D-b
rạch Cây Sáo	TV	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức			10° 36' 08"	106° 27' 46"	10° 34' 46"	106° 28' 37"	C-48-33-D-d
khu công nghiệp Nhựt Chánh	KX	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 36' 49"	106° 28' 37"					C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-d
cầu Ván 1	KX	xã Nhựt Chánh	H. Bến Lức	10° 36' 17"	106° 26' 31"					C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 27"	106° 32' 16"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 08"	106° 32' 08"					C-48-34-C-c
ấp 3A	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 00"	106° 32' 56"					C-48-34-C-c
ấp 3B	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 23"	106° 32' 40"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 38' 02"	106° 32' 19"					C-48-34-C-a
Ấp 5	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 54"	106° 32' 14"					C-48-34-C-a
rạch Bà Cua	TV	xã Phước Lợi	H. Bến Lức			10° 37' 40"	106° 33' 21"	10° 38' 30"	106° 31' 59"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
rạch Bà Láng	TV	xã Phước Lợi	H. Bến Lức			10° 38' 25"	106° 32' 01"	10° 36' 35"	106° 31' 53"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
rạch Cây Trôm	TV	xã Phước Lợi	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 31' 59"	10° 40' 50"	106° 30' 25"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
Ấp Chợ	DC	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 38' 20"	106° 31' 53"					C-48-34-C-a
cầu Long Khê	KX	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 36' 45"	106° 33' 07"					C-48-34-C-c
đình Long Vượng	KX	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 16"	106° 32' 53"					C-48-34-C-c
đình Phước Lợi	KX	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 38' 21"	106° 32' 15"					C-48-34-C-a
đình Phước Quản	KX	xã Phước Lợi	H. Bến Lức	10° 37' 00"	106° 32' 11"					C-48-34-C-c
Đường QL.1	KX	xã Phước Lợi	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Phước Lợi	H. Bến Lức			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 40' 29"	106° 31' 56"					C-48-34-C-a
Ấp 2	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 41' 14"	106° 32' 36"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 40' 51"	106° 31' 32"					C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 4	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 40' 44"	106° 30' 53"					C-48-34-C-a
Ấp 5	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 41' 40"	106° 31' 09"					C-48-34-C-a
Ấp 6	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 42' 38"	106° 31' 15"					C-48-34-C-a
Ấp 7	DC	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 41' 01"	106° 30' 28"					C-48-34-C-a
kênh Bà Vụ	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 01"	106° 30' 42"	10° 44' 31"	106° 27' 52"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
sông Bến Lức	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 28' 25"	10° 41' 17"	106° 32' 44"	C-48-34-C-a
Kênh Cái	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 40' 55"	106° 30' 29"	10° 42' 04"	106° 28' 36"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
rạch Cây Me	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 43' 10"	106° 30' 35"	10° 42' 31"	106° 31' 11"	C-48-34-C-a
rạch Cây Trôm	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 31' 59"	10° 40' 50"	106° 30' 25"	C-48-34-C-a
Rạch Chung	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 29"	106° 29' 36"	10° 40' 52"	106° 30' 23"	C-48-34-C-a
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-34-C-a
rạch Hai Nhung	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 10"	106° 31' 41"	10° 41' 41"	106° 31' 49"	C-48-34-C-a
rạch Mương Máng	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 57"	106° 31' 44"	10° 41' 46"	106° 31' 06"	C-48-34-C-a
cầu Mỹ Nhơn	KX	xã Tân Bửu	H. Bến Lức	10° 40' 57"	106° 32' 12"					C-48-34-C-a
rạch Mỹ Nhơn - Cây Trôm - Ông Nhông	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 37' 59"	106° 30' 28"	10° 41' 13"	106° 32' 11"	C-48-34-C-a
kênh Năm Đông	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 13"	106° 31' 03"	10° 44' 13"	106° 28' 50"	C-48-34-C-a
Kênh Ngang	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 43' 06"	106° 31' 42"	10° 43' 29"	106° 31' 07"	C-48-34-C-a
rạch Ông Hùng	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 40' 09"	106° 31' 24"	10° 41' 12"	106° 31' 04"	C-48-34-C-a
kênh Ông Thân	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 43' 14"	106° 31' 28"	10° 43' 05"	106° 31' 23"	C-48-34-C-a
kênh Rạch Đào	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 47"	106° 31' 05"	10° 42' 05"	106° 29' 21"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Rạch Rít	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 41' 16"	106° 31' 13"	10° 42' 30"	106° 31' 11"	C-48-34-C-a
kênh Sáu Quánh	TV	xã Tân Bửu	H. Bến Lức			10° 42' 57"	106° 31' 36"	10° 43' 15"	106° 31' 11"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Tân Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 12"	106° 28' 59"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã Tân Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 25"	106° 28' 19"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Tân Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 09"	106° 28' 56"					C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã Tân Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 27"	106° 29' 48"					C-48-33-D-b
Ấp 5	DC	xã Tân Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 11"	106° 29' 31"					C-48-33-D-b
kênh Bà Vụ	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 01"	106° 30' 42"	10° 44' 31"	106° 27' 52"	C-48-33-D-b
Kênh Cái	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 40' 55"	106° 30' 29"	10° 42' 04"	106° 28' 36"	C-48-33-D-b
kênh Cây Da	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 44' 00"	106° 27' 13"	10° 42' 22"	106° 28' 29"	C-48-33-D-b
rạch Cây Me	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 10"	106° 30' 35"	10° 42' 31"	106° 31' 11"	C-48-34-C-a
kênh Độc Lập	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 56"	106° 29' 14"	10° 43' 16"	106° 28' 23"	C-48-33-D-b
kênh Gia Miệng	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 42"	106° 25' 06"	10° 42' 06"	106° 28' 54"	C-48-33-D-b
kênh Gò Dung	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 40' 18"	106° 29' 28"	10° 44' 20"	106° 27' 39"	C-48-33-D-b
Kênh Lá	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 42' 21"	106° 28' 59"	10° 42' 37"	106° 29' 21"	C-48-34-C-a
kênh Năm Đông	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 13"	106° 31' 03"	10° 44' 13"	106° 28' 50"	C-48-33-D-b
kênh Rạch Đào	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 47"	106° 31' 05"	10° 42' 05"	106° 29' 21"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
kênh Rạch Nổ	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 00"	106° 25' 44"	10° 42' 17"	106° 28' 50"	C-48-33-D-b
kênh Thầy Thuốc	TV	xã Tân Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 29"	106° 31' 07"	10° 42' 29"	106° 29' 28"	C-48-34-C-a
Ấp 1	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 25"	106° 28' 02"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 37' 33"	106° 26' 48"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 36' 53"	106° 26' 07"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 37' 35"	106° 26' 20"					C-48-33-D-b
Ấp 5	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 18"	106° 26' 33"					C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 6	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 04"	106° 27' 32"					C-48-33-D-b
Ấp 7	DC	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 32"	106° 27' 17"					C-48-33-D-b
rạch Bàu Tân - Cầu Ván - Cây Sáo - Xóm Châu	TV	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức			10° 38' 35"	106° 26' 18"	10° 37' 50"	106° 28' 26"	C-48-33-D-d
cầu Bến Lức	KX	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 21"	106° 28' 21"					C-48-33-D-b
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-d
Khu giải trí phức hợp HappyLand	KX	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 38' 45"	106° 27' 40"					C-48-33-D-b
Đường QL.1	KX	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
kênh Thủ Thừa	TV	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b
cầu Ván 1	KX	xã Thạnh Đức	H. Bến Lức	10° 36' 17"	106° 26' 31"					C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 44' 44"	106° 25' 11"					C-48-33-D-b
Ấp 2	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 43' 16"	106° 25' 15"					C-48-33-D-b
Ấp 3	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 49"	106° 25' 08"					C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 01"	106° 24' 53"					C-48-33-D-b
Ấp 5	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 41' 38"	106° 24' 44"					C-48-33-D-b
Ấp 6	DC	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 28"	106° 23' 10"					C-48-33-D-b
đò Ấp 7	KX	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 42' 59"	106° 25' 41"					C-48-33-D-b
kênh Bà Kiểng	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 42' 13"	106° 25' 11"	10° 49' 02"	106° 19' 14"	C-48-33-D-b
kênh Ba Vồn Lớn	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 13"	106° 24' 56"	10° 41' 49"	106° 22' 25"	C-48-33-D-b
kênh Ba Vồn Nhỏ	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 43"	106° 25' 02"	10° 42' 19"	106° 23' 00"	C-48-33-D-b
kênh Bàu Gợp	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 42' 20"	106° 24' 51"	10° 43' 01"	106° 24' 57"	C-48-33-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Công Xi	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 44' 47"	106° 25' 39"	10° 44' 28"	106° 24' 50"	C-48-33-D-b
đò Lương Bình	KX	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức	10° 44' 48"	106° 25' 41"					C-48-33-D-b
Kênh Mới	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 44' 59"	106° 25' 33"	10° 44' 10"	106° 24' 02"	C-48-33-D-b
Kênh Ngang	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 41' 25"	106° 24' 10"	10° 41' 55"	106° 24' 15"	C-48-33-D-b
kênh Rạch Gốc	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 43' 53"	106° 25' 46"	10° 43' 56"	106° 23' 17"	C-48-33-D-b
kênh T4	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a; C-48-33-D-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thạnh Hòa	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-b
Ấp 1	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 47' 08"	106° 25' 11"					C-48-33-B-d
Ấp 2	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 47' 37"	106° 23' 31"					C-48-33-B-d
Ấp 3	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 47' 15"	106° 24' 14"					C-48-33-B-d
Ấp 4	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 46' 32"	106° 24' 05"					C-48-33-B-d
Ấp 5	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 46' 04"	106° 24' 09"					C-48-33-B-d
Ấp 6	DC	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức	10° 45' 17"	106° 24' 51"					C-48-33-B-d
kênh Bà Hạt	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 46' 30"	106° 22' 12"	10° 47' 29"	106° 23' 57"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
kênh Bà Kiểng	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 42' 13"	106° 25' 11"	10° 49' 02"	106° 19' 14"	C-48-33-B-c; C-48-33-D-a; C-48-33-D-b
kênh Bàu Voi	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 47' 39"	106° 23' 38"	10° 46' 37"	106° 22' 09"	C-48-33-B-d
kênh Huyện Đoàn	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 46' 14"	106° 20' 37"	10° 45' 02"	106° 21' 41"	C-48-33-B-c
Kênh Mới	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 44' 59"	106° 25' 33"	10° 44' 10"	106° 24' 02"	C-48-33-D-b
kênh Mương Sâu	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 46' 36"	106° 24' 32"	10° 45' 54"	106° 22' 30"	C-48-33-B-d
rạch Ông Biện	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 44' 22"	106° 23' 48"	10° 45' 23"	106° 25' 07"	C-48-33-D-b
Đường QL.N2	KX	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-c; C-48-33-D-a; C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Rạch Bần	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 45' 46"	106° 24' 40"	10° 44' 38"	106° 23' 29"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Rạch Cần Xé - Kênh Ranh Lâm Hải	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 47' 54"	106° 23' 25"	10° 44' 38"	106° 17' 42"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
kênh Rạch Kinh	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 45' 32"	106° 24' 53"	10° 44' 28"	106° 23' 40"	C-48-33-D-b
kênh T6	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 46' 35"	106° 24' 32"	10° 42' 36"	106° 19' 27"	C-48-33-B-d
Kênh Tắt	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			10° 47' 15"	106° 24' 36"	10° 46' 50"	106° 24' 47"	C-48-33-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thạnh Lợi	H. Bến Lức			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-d
Ấp 1A	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 38' 59"	106° 31' 07"					C-48-34-C-a
Ấp 1B	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 40' 14"	106° 30' 43"					C-48-34-C-a
Ấp 3	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 40' 35"	106° 30' 07"					C-48-34-C-a
Ấp 4	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 39' 46"	106° 29' 19"					C-48-33-D-b
sông Bến Lức	TV	xã Thanh Phú	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 28' 25"	10° 41' 17"	106° 32' 44"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
rạch Cây Trôm	TV	xã Thanh Phú	H. Bến Lức			10° 38' 30"	106° 31' 59"	10° 40' 50"	106° 30' 25"	C-48-34-C-a
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Thanh Phú	H. Bến Lức			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
chùa Linh Phước	KX	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 39' 36"	106° 30' 31"					C-48-34-C-a
rạch Mỹ Nhơn - Cây Trôm - Ông Nhông	TV	xã Thanh Phú	H. Bến Lức			10° 37' 59"	106° 30' 28"	10° 41' 13"	106° 32' 11"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
đình Phú Thứ	KX	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 38' 59"	106° 31' 14"					C-48-34-C-a
Ấp Phước Tú	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 39' 37"	106° 29' 30"					C-48-33-D-b
rạch Tân Lập	TV	xã Thanh Phú	H. Bến Lức			10° 39' 36"	106° 30' 03"	10° 39' 42"	106° 29' 03"	C-48-33-D-b; C-48-34-C-a
Ấp Tấn Long	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 38' 51"	106° 29' 53"					C-48-33-D-b
Ấp Thanh Hiệp	DC	xã Thanh Phú	H. Bến Lức	10° 40' 07"	106° 30' 30"					C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
khu phố 1A	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 13"	106° 36' 00"					C-48-34-C-c
khu phố 1B	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 27"	106° 36' 01"					C-48-34-C-c
khu phố 1C	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 58"	106° 36' 11"					C-48-34-C-c
Khu phố 2	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 14"	106° 36' 20"					C-48-34-C-c
Khu phố 3	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 29' 39"	106° 36' 22"					C-48-46-A-a
Khu phố 4	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 29' 59"	106° 36' 14"					C-48-46-A-a
Khu phố 5	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 07"	106° 36' 04"					C-48-34-C-c
Khu phố 6	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 29' 56"	106° 36' 05"					C-48-46-A-a
khu phố 7A	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 06"	106° 35' 46"					C-48-34-C-c
khu phố 7B	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 39"	106° 36' 22"					C-48-34-C-c
Khu phố 8	DC	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 29' 54"	106° 35' 44"					C-48-46-A-a
kênh 30-4	TV	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 30' 18"	106° 35' 42"	10° 30' 18"	106° 35' 01"	C-48-34-C-c
miếu Bà Ngũ Hành	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 18"	106° 36' 04"					C-48-34-C-c
rạch Bến Bạ	TV	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 31' 34"	106° 35' 07"	10° 30' 23"	106° 35' 56"	C-48-34-C-c
sông Cần Đước	TV	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 30' 45"	106° 39' 07"	10° 27' 39"	106° 37' 54"	C-48-34-C-c; C-48-46-A-a
Rạch Đập	TV	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 31' 21"	106° 36' 51"	10° 30' 42"	106° 36' 48"	C-48-34-C-c
Đường ĐT.826	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
chùa Hưng Long	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 29' 46"	106° 35' 44"					C-48-46-A-a
chùa Hưng Quang	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 51"	106° 36' 13"					C-48-34-C-c
rạch Ông Bường	TV	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 31' 44"	106° 35' 57"	10° 30' 48"	106° 37' 10"	C-48-34-C-c
Đường QL.50	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-c; C-48-46-A-a
chùa Quang Minh	KX	TT. Cần Đước	H. Cần Đước	10° 30' 31"	106° 36' 17"					C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Long Cang	H. Cần Đước	10° 35' 23"	106° 30' 56"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 2	DC	xã Long Cang	H. Cần Đước	10° 35' 31"	106° 31' 27"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Long Cang	H. Cần Đước	10° 34' 36"	106° 30' 23"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Long Cang	H. Cần Đước	10° 35' 24"	106° 29' 29"					C-48-33-D-d
rạch Bà Chủ	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 34' 45"	106° 30' 58"	10° 34' 50"	106° 31' 27"	C-48-34-C-c
rạch Bộ Đời	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 35' 21"	106° 30' 19"	10° 35' 42"	106° 31' 41"	C-48-34-C-c
rạch Đôi Ma	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 34' 05"	106° 30' 52"	C-48-34-C-c
khu công nghiệp Long Cang - Long Định	KX	xã Long Cang	H. Cần Đước	10° 34' 38"	106° 30' 20"					C-48-34-C-c
rạch Mương Nổi	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 35' 22"	106° 31' 42"	10° 34' 59"	106° 31' 48"	C-48-34-C-c
kênh Mương Nổi	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 35' 56"	106° 31' 39"	10° 35' 22"	106° 31' 42"	C-48-34-C-c
rạch Ông Bình - Rạch Sâu	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 35' 37"	106° 29' 59"	10° 34' 44"	106° 29' 50"	C-48-33-D-d; C-48-34-C-c
rạch Ông Sắn	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			10° 35' 24"	106° 30' 55"	10° 35' 09"	106° 30' 09"	C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Cang	H. Cần Đước			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d; C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Long Định	H. Cần Đước	10° 35' 56"	106° 30' 27"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Long Định	H. Cần Đước	10° 36' 45"	106° 30' 48"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Long Định	H. Cần Đước	10° 37' 01"	106° 29' 48"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Long Định	H. Cần Đước	10° 36' 20"	106° 29' 05"					C-48-33-D-d
rạch Bộ Đời	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			10° 35' 21"	106° 30' 19"	10° 35' 42"	106° 31' 41"	C-48-34-C-c
rạch Cầu Quay	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			10° 35' 48"	106° 30' 22"	10° 35' 24"	106° 30' 21"	C-48-34-C-c
Rạch Đình	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			10° 37' 01"	106° 31' 00"	10° 35' 37"	106° 29' 59"	C-48-34-C-c
rạch Ông Bình - Rạch Sâu	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			10° 35' 37"	106° 29' 59"	10° 34' 44"	106° 29' 50"	C-48-34-C-c
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-33-D-d; C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Định	H. Cần Đước			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
Ấp 1A	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 34' 52"	106° 33' 53"					C-48-34-C-c
Ấp 1B	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 35' 50"	106° 34' 01"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 35' 52"	106° 34' 24"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 35' 03"	106° 34' 34"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 34' 54"	106° 35' 25"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 34' 55"	106° 35' 07"					C-48-34-C-c
rạch Đôi Ma	TV	xã Long Hòa	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 34' 05"	106° 30' 52"	C-48-34-C-c
đường tỉnh 826	KX	xã Long Hòa	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
Di tích lịch sử văn hóa Ngã tư Rạch Kiến	KX	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 35' 10"	106° 35' 14"					C-48-34-C-c
cống Rạch Kiến	KX	xã Long Hòa	H. Cần Đước	10° 34' 48"	106° 35' 19"					C-48-34-C-c
Ấp Cầu Ngang	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 28' 42"	106° 41' 49"					C-48-46-A-b
sông Cầu Sắt	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 28' 56"	106° 40' 11"	10° 29' 47"	106° 40' 07"	C-48-46-A-b
Ấp Chợ	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 39"	106° 40' 05"					C-48-46-A-b
Đò Chợ	KX	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 51"	106° 40' 05"					C-48-46-A-b
Rạch Đào	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 29' 38"	106° 41' 13"	10° 30' 06"	106° 41' 35"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
Rạch Đôi	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 29' 29"	106° 41' 48"	10° 30' 09"	106° 42' 29"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
Ấp Đông	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 09"	106° 40' 24"					C-48-46-A-b
cầu Kinh Nước Mặn	KX	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 27"	106° 39' 41"					C-48-46-A-b
chùa Linh Phước	KX	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 14"	106° 41' 37"					C-48-46-A-b
rạch Long Hội	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 28' 37"	106° 41' 09"	10° 28' 58"	106° 40' 41"	C-48-46-A-b
Ấp Long Ninh	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 30' 02"	106° 41' 37"					C-48-34-C-d
Di tích lịch sử văn hóa Nhà Trăm Cột	KX	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 07"	106° 41' 25"					C-48-46-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Nước Mặn	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 29' 49"	106° 39' 57"	10° 29' 07"	106° 39' 26"	C-48-46-A-b
Ấp Ông Rèn	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 40"	106° 40' 50"					C-48-46-A-b
Ấp Rạch Cát	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 30' 27"	106° 43' 02"					C-48-34-C-d
đồn Rạch Cát	KX	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 30' 25"	106° 43' 20"					C-48-34-C-d
sông Rạch Cát	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 30' 50"	106° 39' 24"	10° 30' 36"	106° 43' 51"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
Ấp Rạch Đào	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 47"	106° 41' 56"					C-48-46-A-b
Rạch Ranh	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 28' 58"	106° 40' 42"	10° 28' 42"	106° 39' 41"	C-48-46-A-b
sông Soài Rạp	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 34' 38"	106° 44' 39"	10° 29' 54"	106° 44' 00"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
Ấp Trung	DC	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước	10° 29' 00"	106° 41' 20"					C-48-46-A-b
sông Vàm Cỏ	TV	xã Long Hựu Đông	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-b
sông Cầu Sắt	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 28' 56"	106° 40' 11"	10° 29' 47"	106° 40' 07"	C-48-46-A-b
Ấp Hựu Lộc	DC	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 27' 10"	106° 40' 28"					C-48-46-A-b
cầu Kinh Nước Mặn	KX	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 29' 27"	106° 39' 41"					C-48-46-A-b
Ấp Long Hưng	DC	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 29' 00"	106° 39' 48"					C-48-46-A-b
rạch Mương Tam	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 27' 02"	106° 40' 18"	10° 27' 06"	106° 39' 45"	C-48-46-A-b
Ấp Mỹ Điền	DC	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 27' 57"	106° 40' 10"					C-48-46-A-b
rạch Mỹ Điền	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 28' 45"	106° 40' 14"	10° 28' 03"	106° 39' 49"	C-48-46-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 29' 49"	106° 39' 57"	10° 29' 07"	106° 39' 26"	C-48-46-A-b
chùa Phước Long	KX	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 29' 19"	106° 39' 43"					C-48-46-A-b
Rạch Ranh	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 28' 58"	106° 40' 42"	10° 28' 42"	106° 39' 41"	C-48-46-A-b
Ấp Tây	DC	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước	10° 27' 50"	106° 40' 33"					C-48-46-A-b
sông Vàm Cỏ	TV	xã Long Hựu Tây	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-b
Ấp 1	DC	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 36' 22"	106° 33' 24"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 2	DC	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 36' 58"	106° 33' 49"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 37' 18"	106° 33' 38"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 37' 31"	106° 33' 56"					C-48-34-C-a
cầu Long Khê	KX	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 36' 45"	106° 33' 07"					C-48-34-C-c
thánh thất Long Khê	KX	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 36' 34"	106° 33' 43"					C-48-34-C-c
đình Phước Bửu	KX	xã Long Khê	H. Cần Đước	10° 37' 42"	106° 33' 51"					C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Long Khê	H. Cần Đước			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-c
Ấp 1A	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 34' 31"	106° 32' 46"					C-48-34-C-c
Ấp 1B	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 34' 37"	106° 33' 53"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 34' 28"	106° 32' 22"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 33' 41"	106° 31' 30"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 33' 44"	106° 32' 10"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 33' 30"	106° 32' 39"					C-48-34-C-c
rạch Bà Lành	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 34' 08"	106° 32' 34"	10° 34' 38"	106° 32' 41"	C-48-34-C-c
rạch Bà Ngọt	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 34' 05"	106° 31' 49"	10° 34' 52"	106° 31' 37"	C-48-34-C-c
rạch Bà Xiểng	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 33' 40"	106° 34' 09"	10° 33' 17"	106° 32' 57"	C-48-34-C-c
rạch Đôi Ma	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 34' 05"	106° 30' 52"	C-48-34-C-c
cầu Long Sơn	KX	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 34' 58"	106° 32' 15"					C-48-34-C-c
phà Nhựt Tảo	KX	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 33' 48"	106° 31' 05"					C-48-34-C-c
rạch Ông Mộc	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 34' 13"	106° 31' 34"	10° 34' 25"	106° 31' 15"	C-48-34-C-c
đình Thạnh Hòa	KX	xã Long Sơn	H. Cần Đước	10° 34' 36"	106° 33' 25"					C-48-34-C-c
Rạch Trường	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			10° 33' 51"	106° 32' 16"	10° 33' 09"	106° 32' 05"	C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Sơn	H. Cần Đước			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
Ấp Cầu Tràm	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 37' 39"	106° 35' 05"					C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
khu công nghiệp Cầu Tràm	KX	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 37' 51"	106° 35' 21"					C-48-34-C-a
Ấp Cầu Xây	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 38' 05"	106° 34' 41"					C-48-34-C-a
Ấp Đồng Tâm	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 36' 19"	106° 34' 41"					C-48-34-C-c
Đường ĐT.826	KX	xã Long Trạch	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-a
Ấp Long Thanh	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 36' 56"	106° 35' 08"					C-48-34-C-c
thánh thất Long Trạch	KX	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 37' 11"	106° 35' 05"					C-48-34-C-c
Ấp Minh Thiện	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 35' 56"	106° 35' 22"					C-48-34-C-c
rạch Ông Chùm	TV	xã Long Trạch	H. Cần Đước			10° 36' 47"	106° 35' 12"	10° 38' 01"	106° 35' 36"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-a
Ấp Phước Vĩnh	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 37' 37"	106° 34' 29"					C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Long Trạch	H. Cần Đước			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 35' 48"	106° 34' 46"					C-48-34-C-c
Cầu Tràm	KX	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 38' 17"	106° 35' 08"					C-48-34-C-a
ấp Xoài Đôi	DC	xã Long Trạch	H. Cần Đước	10° 36' 13"	106° 35' 02"					C-48-34-C-c
kênh 25-4	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 34' 41"	106° 36' 54"	10° 34' 11"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
thánh thất Cao Đài	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 10"	106° 36' 18"					C-48-34-C-c
Ấp Cầu Chùa	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 15"	106° 35' 47"					C-48-34-C-c
Ấp Cầu Làng	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 41"	106° 36' 27"					C-48-34-C-c
Ấp Cầu Nhỏ	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 28"	106° 36' 59"					C-48-34-C-c
Ấp Cầu Tam Bình	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 01"	106° 36' 35"					C-48-34-C-c
rạch Chợ Đào	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 34' 33"	106° 35' 46"	10° 33' 28"	106° 36' 00"	C-48-34-C-c
Ấp Chợ Mỹ	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 58"	106° 36' 05"					C-48-34-C-c
Ấp Chợ Trạm	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 19"	106° 37' 36"					C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.826	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
chùa Hưng Hòa	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 48"	106° 37' 17"					C-48-34-C-c
đình Long Mỹ	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 52"	106° 37' 19"					C-48-34-C-c
Ấp Long Mỹ	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 45"	106° 37' 20"					C-48-34-C-c
đình Mỹ Lệ	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 25"	106° 36' 52"					C-48-34-C-c
Ấp Mỹ Tây	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 18"	106° 35' 35"					C-48-34-C-c
rạch Nha Ràm	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 33' 32"	106° 36' 27"	10° 32' 26"	106° 38' 48"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
Ấp Rạch Đào	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 59"	106° 35' 52"					C-48-34-C-c
cầu Rạch Đào	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 14"	106° 35' 50"					C-48-34-C-c
Rạch Rô	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 32' 12"	106° 37' 07"	10° 32' 45"	106° 37' 52"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
Ấp Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 33' 11"	106° 37' 34"					C-48-34-C-d
kênh Trục Xóm Bồ	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 34' 09"	106° 36' 05"	10° 33' 28"	106° 36' 00"	C-48-34-C-c
ấp Vạn Phước	DC	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 26"	106° 35' 58"					C-48-34-C-c
đình Vạn Phước	KX	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước	10° 32' 52"	106° 35' 39"					C-48-34-C-c
rạch Xóm Bồ	TV	xã Mỹ Lệ	H. Cần Đước			10° 33' 28"	106° 36' 00"	10° 32' 33"	106° 34' 04"	C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 41"	106° 37' 24"					C-48-46-A-a
Ấp 2	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 30' 12"	106° 37' 36"					C-48-34-C-d
Ấp 3	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 17"	106° 36' 56"					C-48-46-A-a
Ấp 4	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 27' 57"	106° 37' 39"					C-48-46-A-b
Ấp 5	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 28' 55"	106° 37' 52"					C-48-46-A-b
Ấp 6	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 32"	106° 38' 33"					C-48-46-A-b
Ấp 7	DC	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 48"	106° 39' 16"					C-48-46-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Cần Đước	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 30' 45"	106° 39' 07"	10° 27' 39"	106° 37' 54"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d; C-48-46-A-a
sông Cần Giuộc	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
kênh Cặp Đê Rạch Cát	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 29' 27"	106° 39' 38"	10° 32' 14"	106° 38' 42"	C-48-34-C-d
khu công nghiệp Cầu Cảng Phước Đông	KX	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 19"	106° 38' 22"					C-48-46-A-b
cầu Kinh Nước Mặn	KX	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 27"	106° 39' 41"					C-48-46-A-b
Rạch Lốc	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 29' 39"	106° 38' 01"	10° 30' 41"	106° 37' 39"	C-48-34-C-d
phà Mỹ Lợi	KX	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 27' 45"	106° 37' 56"					C-48-46-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 29' 49"	106° 39' 57"	10° 29' 07"	106° 39' 26"	C-48-46-A-b
rạch Ông Bán	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 28' 47"	106° 37' 32"	10° 28' 49"	106° 36' 35"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
Đường QL.50	KX	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
sông Rạch Cát	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 30' 50"	106° 39' 24"	10° 30' 36"	106° 43' 51"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
chùa Thọ Vức	KX	xã Phước Đông	H. Cần Đước	10° 29' 35"	106° 38' 18"					C-48-46-A-b
sông Vàm Cỏ	TV	xã Phước Đông	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-b
Ấp 1	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 30' 38"	106° 33' 57"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 30' 26"	106° 34' 38"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 31' 17"	106° 34' 27"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 31' 36"	106° 34' 04"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 31' 22"	106° 35' 22"					C-48-34-C-c
Ấp 6	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 30' 40"	106° 35' 26"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 7	DC	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 31' 46"	106° 35' 27"					C-48-34-C-c
rạch Bến Bạ	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			10° 31' 34"	106° 35' 07"	10° 30' 23"	106° 35' 56"	C-48-34-C-c
sông Bến Trễ	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			10° 31' 34"	106° 35' 07"	10° 29' 42"	106° 34' 06"	C-48-34-C-c
rạch Cầu Giữa	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			10° 30' 56"	106° 34' 43"	10° 30' 40"	106° 34' 51"	C-48-34-C-c
Chùa Thất	KX	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 30' 45"	106° 35' 03"					C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-a; C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
đò Xã Bảy	KX	xã Phước Tuy	H. Cần Đước	10° 31' 00"	106° 33' 34"					C-48-34-C-c
rạch Xóm Bồ	TV	xã Phước Tuy	H. Cần Đước			10° 33' 28"	106° 36' 00"	10° 32' 33"	106° 34' 04"	C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 36' 58"	106° 31' 06"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 36' 20"	106° 31' 42"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 36' 14"	106° 32' 35"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 35' 22"	106° 32' 09"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 35' 35"	106° 33' 20"					C-48-34-C-c
đình An Thuận	KX	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 35' 14"	106° 32' 38"					C-48-34-C-c
Rạch Cống	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 35' 03"	106° 33' 36"	10° 34' 47"	106° 33' 31"	C-48-34-C-c
Rạch Đình	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 37' 01"	106° 31' 00"	10° 35' 37"	106° 29' 59"	C-48-34-C-c
rạch Đôi Ma	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 34' 05"	106° 30' 52"	C-48-34-C-c
cầu Long Sơn	KX	xã Phước Vân	H. Cần Đước	10° 34' 58"	106° 32' 15"					C-48-34-C-c
rạch Mương Nổi	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 35' 22"	106° 31' 42"	10° 34' 59"	106° 31' 48"	C-48-34-C-c
rạch Ông Lưng	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 35' 27"	106° 32' 08"	10° 34' 57"	106° 31' 58"	C-48-34-C-c
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Phước Vân	H. Cần Đước			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 54"	106° 35' 02"					C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 2A	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 41"	106° 36' 07"					C-48-46-A-a
Ấp 2B	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 30' 28"	106° 35' 20"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 24"	106° 35' 03"					C-48-46-A-a
Ấp 4	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 28' 53"	106° 35' 09"					C-48-46-A-a
Ấp 5	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 23"	106° 35' 24"					C-48-46-A-a
Ấp 6	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 38"	106° 35' 33"					C-48-46-A-a
Ấp 7	DC	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 29' 18"	106° 36' 06"					C-48-46-A-a
kênh 30-4	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 30' 18"	106° 35' 42"	10° 30' 18"	106° 35' 01"	C-48-34-C-c
rạch Bà Dinh	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 29' 13"	106° 35' 13"	10° 28' 28"	106° 35' 05"	C-48-46-A-a
đò Bà Nhờ	KX	xã Tân Ân	H. Cần Đước	10° 28' 38"	106° 34' 44"					C-48-46-A-a
sông Bến Trễ	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 31' 34"	106° 35' 07"	10° 29' 42"	106° 34' 06"	C-48-46-A-a; C-48-34-C-c
sông Cần Đước	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 30' 45"	106° 39' 07"	10° 27' 39"	106° 37' 54"	C-48-46-A-a
rạch Mương Lá	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 29' 13"	106° 35' 34"	10° 28' 17"	106° 35' 09"	C-48-46-A-a
rạch Ông Du	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 28' 34"	106° 35' 54"	10° 29' 02"	106° 36' 21"	C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-a
rạch Viết Cam	TV	xã Tân Ân	H. Cần Đước			10° 29' 05"	106° 35' 49"	10° 29' 12"	106° 36' 18"	C-48-46-A-a
ấp Bà Nghĩa	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 27' 25"	106° 37' 17"					C-48-46-A-a
rạch Bà Nghĩa	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 28' 16"	106° 36' 17"	10° 27' 05"	106° 36' 42"	C-48-46-A-a
sông Cần Đước	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 30' 45"	106° 39' 07"	10° 27' 39"	106° 37' 54"	C-48-46-A-a
Ấp Đình	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 28' 36"	106° 36' 02"					C-48-46-A-a
Rạch Đình	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 27' 52"	106° 36' 55"	10° 27' 15"	106° 37' 10"	C-48-46-A-a
Ấp Đông Nhất	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 27' 22"	106° 35' 38"					C-48-46-A-a
Ấp Đông Nhì	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 27' 58"	106° 37' 00"					C-48-46-A-a
Ấp Đông Trung	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 28' 06"	106° 36' 24"					C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp Hòa Quới	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 26' 53"	106° 35' 51"					C-48-46-A-a
Ấp Lăng	DC	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 28' 03"	106° 35' 24"					C-48-46-A-a
rạch Mương Bần	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 28' 34"	106° 35' 54"	10° 27' 58"	106° 35' 13"	C-48-46-A-a
rạch Mương Lá	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 29' 13"	106° 35' 34"	10° 28' 17"	106° 35' 09"	C-48-46-A-a
rạch Ông Cả	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 27' 00"	106° 35' 43"	10° 26' 39"	106° 36' 03"	C-48-46-A-a
rạch Ông Du	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 28' 34"	106° 35' 54"	10° 29' 02"	106° 36' 21"	C-48-46-A-a
rạch Ông Thiệu	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 28' 17"	106° 36' 06"	10° 28' 47"	106° 36' 32"	C-48-46-A-a
rạch Sông Lưu	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 28' 06"	106° 36' 00"	10° 26' 51"	106° 36' 21"	C-48-46-A-a
đình Tân Chánh	KX	xã Tân Chánh	H. Cần Đước	10° 28' 31"	106° 36' 09"					C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
rạch Viết Cam	TV	xã Tân Chánh	H. Cần Đước			10° 29' 05"	106° 35' 49"	10° 29' 12"	106° 36' 18"	C-48-46-A-a
Ấp Ao Gòn	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 23"	106° 37' 08"					C-48-34-C-c
Ấp Bà Chủ	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 30' 51"	106° 36' 51"					C-48-34-C-c
Ấp Bà Thoại	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 42"	106° 38' 36"					C-48-34-C-d
rạch Bà Thoại	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 32' 31"	106° 38' 14"	10° 31' 40"	106° 38' 55"	C-48-34-C-d
rạch Bến Bạ	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 31' 34"	106° 35' 07"	10° 30' 23"	106° 35' 56"	C-48-34-C-c
Ấp Bình Hòa	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 30' 45"	106° 38' 49"					C-48-34-C-d
sông Cần Đước	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 30' 45"	106° 39' 07"	10° 27' 39"	106° 37' 54"	C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
kênh Cặp Đê Rạch Cát	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 29' 27"	106° 39' 38"	10° 32' 14"	106° 38' 42"	C-48-34-C-d
Ấp Cầu Xây	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 09"	106° 38' 02"					C-48-34-C-d
Di tích lịch sử văn hóa Chùa Phước Lâm	KX	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 57"	106° 35' 56"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Đập	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 31' 21"	106° 36' 51"	10° 30' 42"	106° 36' 48"	C-48-34-C-c
đường tỉnh 826	KX	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
Rạch Lá	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 31' 58"	106° 37' 04"	10° 31' 43"	106° 36' 41"	C-48-34-C-c
Ấp Nhà Dài	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 32' 20"	106° 37' 08"					C-48-34-C-c
rạch Nha Ràm	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 33' 32"	106° 36' 27"	10° 32' 26"	106° 38' 48"	C-48-34-C-d
Ấp Nhà Thờ	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 25"	106° 36' 30"					C-48-34-C-c
Ấp Nhà Trường	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 49"	106° 37' 53"					C-48-34-C-d
rạch Ông Bường	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 31' 44"	106° 35' 57"	10° 30' 48"	106° 37' 10"	C-48-34-C-c
rạch Ông Long	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 31' 29"	106° 37' 43"	10° 30' 43"	106° 37' 33"	C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-c
Ấp Rạch Bộng	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 32' 21"	106° 38' 30"					C-48-34-C-d
Rạch Rô	TV	xã Tân Lân	H. Cần Đước			10° 32' 12"	106° 37' 07"	10° 32' 45"	106° 37' 52"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
Ấp Xóm Chùa	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 31' 51"	106° 36' 01"					C-48-34-C-c
Ấp Xóm Mới	DC	xã Tân Lân	H. Cần Đước	10° 32' 01"	106° 36' 28"					C-48-34-C-c
Ấp 1A	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 47"	106° 35' 03"					C-48-34-C-c
Ấp 1B	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 38"	106° 34' 24"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 22"	106° 35' 31"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 58"	106° 33' 59"					C-48-34-C-c
Ấp 4A	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 26"	106° 34' 48"					C-48-34-C-c
Ấp 4B	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 27"	106° 33' 24"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 32' 48"	106° 34' 51"					C-48-34-C-c
Ấp 6	DC	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 46"	106° 35' 33"					C-48-34-C-c
rạch Bà Tượng	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 32' 19"	106° 34' 42"	C-48-34-C-c
rạch Bà Xiểng	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 33' 40"	106° 34' 09"	10° 33' 17"	106° 32' 57"	C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
phà Bến Bạ	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 12"	106° 33' 39"					C-48-34-C-c
rạch Cây Đước	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 34' 38"	106° 35' 35"	10° 34' 33"	106° 35' 46"	C-48-34-C-c
rạch Chợ Đào	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 34' 33"	106° 35' 46"	10° 33' 28"	106° 36' 00"	C-48-34-C-c
chùa Định Phước	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 33"	106° 35' 16"					C-48-34-C-c
rạch Đôi Ma	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 34' 22"	106° 35' 15"	10° 34' 05"	106° 30' 52"	C-48-34-C-c
Đường ĐT.826	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
cống Rạch Kiến	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 48"	106° 35' 19"					C-48-34-C-c
thánh thất Tân Trạch	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 33' 43"	106° 34' 47"					C-48-34-C-c
chùa Thiên Mụ	KX	xã Tân Trạch	H. Cần Đước	10° 34' 25"	106° 34' 22"					C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
rạch Xóm Bồ	TV	xã Tân Trạch	H. Cần Đước			10° 33' 28"	106° 36' 00"	10° 32' 33"	106° 34' 04"	C-48-34-C-c

(Xem tiếp Công báo số 885 + 886)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng